

SG/PRC đã làm gì để giải quyết sự bất bình đẳng?

**Dữ Liệu Chi Tiêu Hàng Năm Của Mua Dịch Vụ (POS)
Cho Năm Tài Chính 2017-2018 (FY18)**

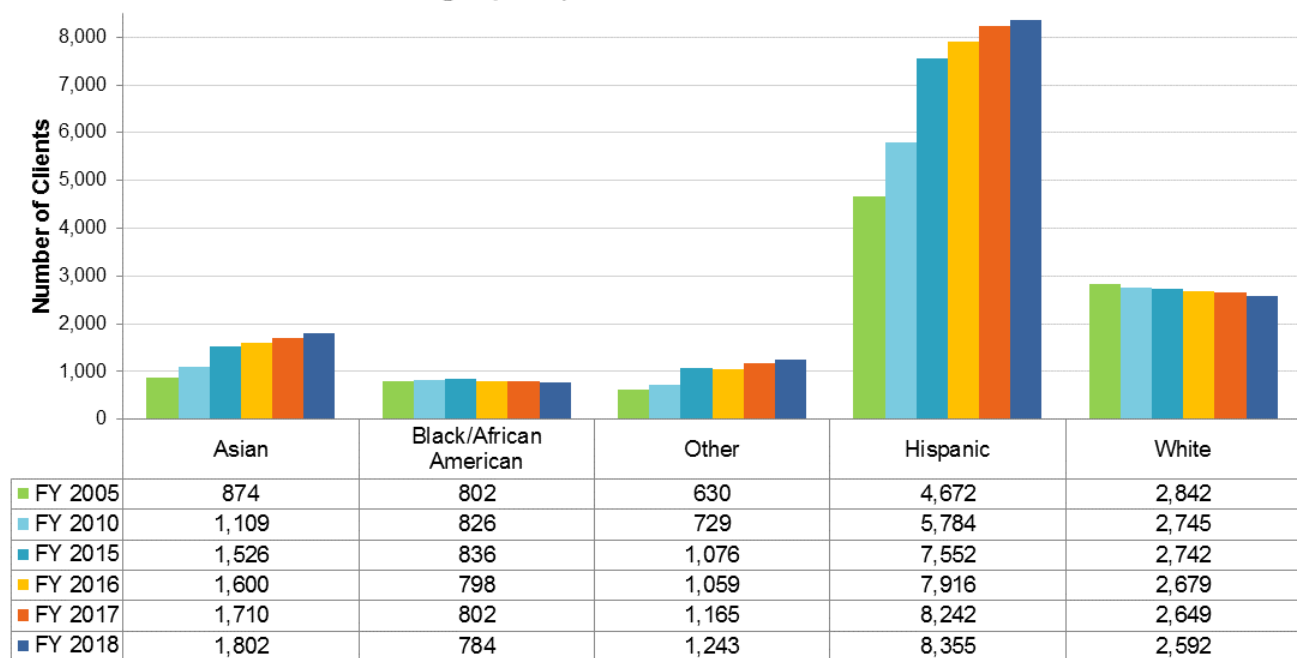


So sánh SG/PRC với dân số chung

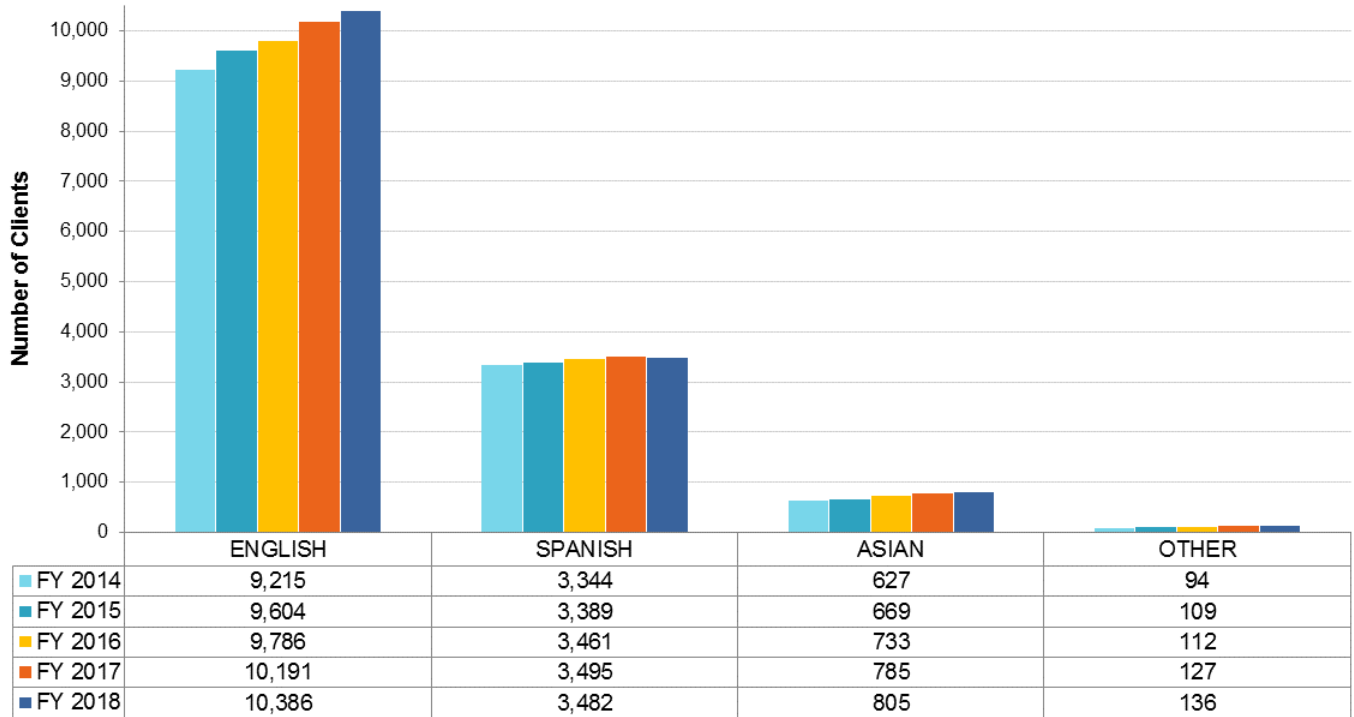
Ethnic/Racial Group	2010 Census Data		2015 ACS Data American Community Survey		FY 2017 SG/PRC		FY 2018 SG/PRC	
	Number	%	Number	%	Number	%	Number	%
White	266,985	21.1%	282,293	20.8%	2,649	18.1%	2,592	17.5%
Hispanic	661,973	52.4%	708,278	52.1%	8,242	56.5%	8,355	56.4%
Black/ African-American	48,310	3.8%	42,899	3.2%	802	5.5%	784	5.3%
American Indian/ Alaskan Native	4,286	0.3%	3,362	0.2%	16	0.1%	20	0.1%
Asian (w/ Filipino)	272,183	21.5%	295,286	21.7%	1,710	11.7%	1,802	12.2%
Polynesian/ Pacific Islander	1,903	0.2%	2,528	0.2%	14	0.1%	13	0.1%
Other	8,708	0.7%	24,553	1.8%	1,165	8.0%	1,243	8.4%
TOTAL	1,264,348		1,359,199		14,598		14,809	1.5% ↑

20

So Sánh về chủng tộc tại SG/PRC FY 2000 ~ FY 2018

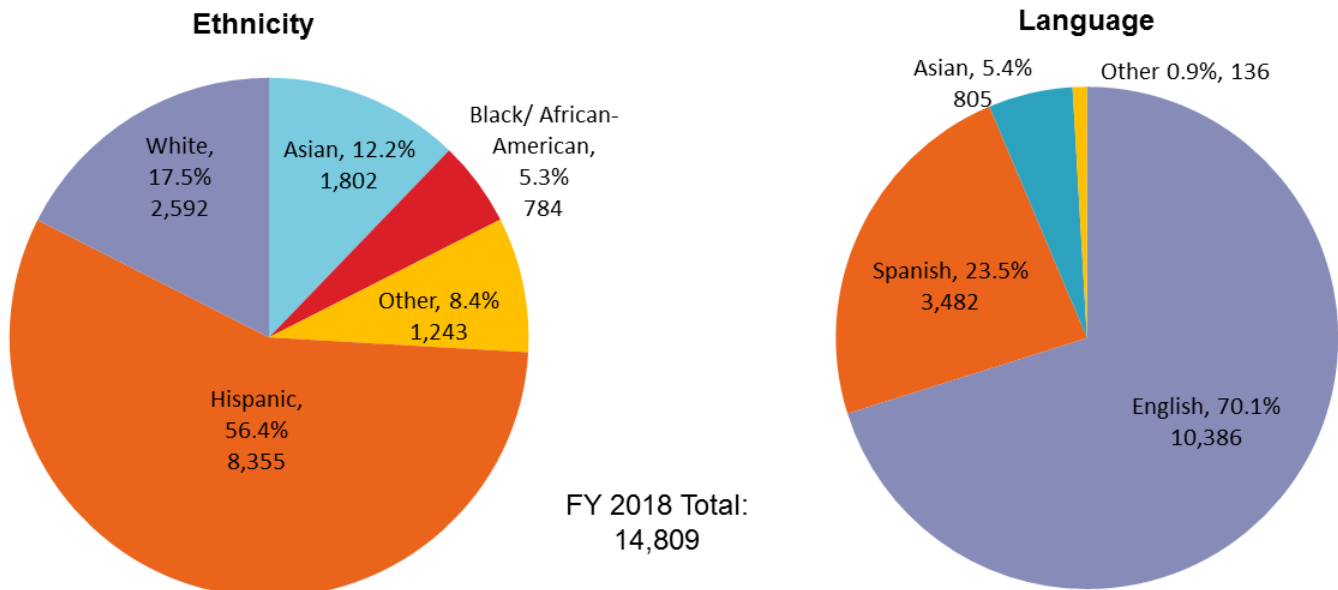


Ngôn ngữ chính hoặc ngôn ngữ ưa thích FY 14~FY18



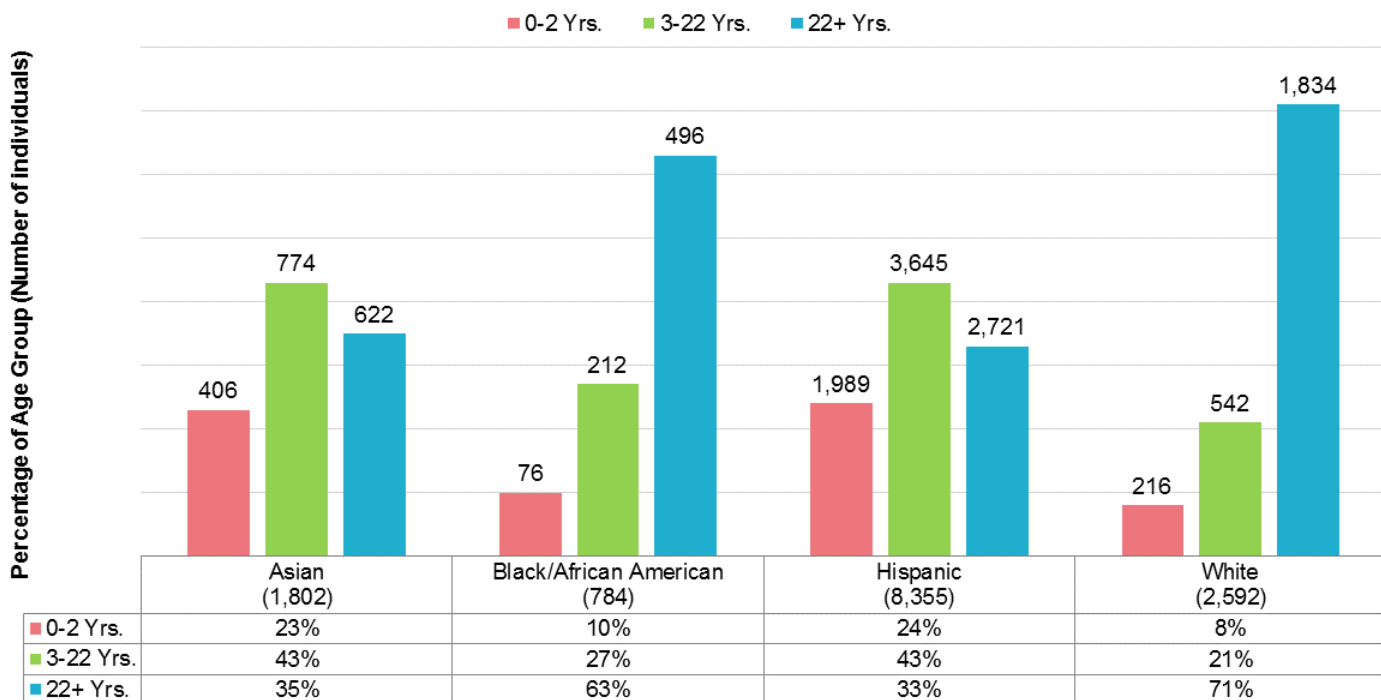
22

Thông tin chung – chủng tộc và Ngôn ngữ FY 2018



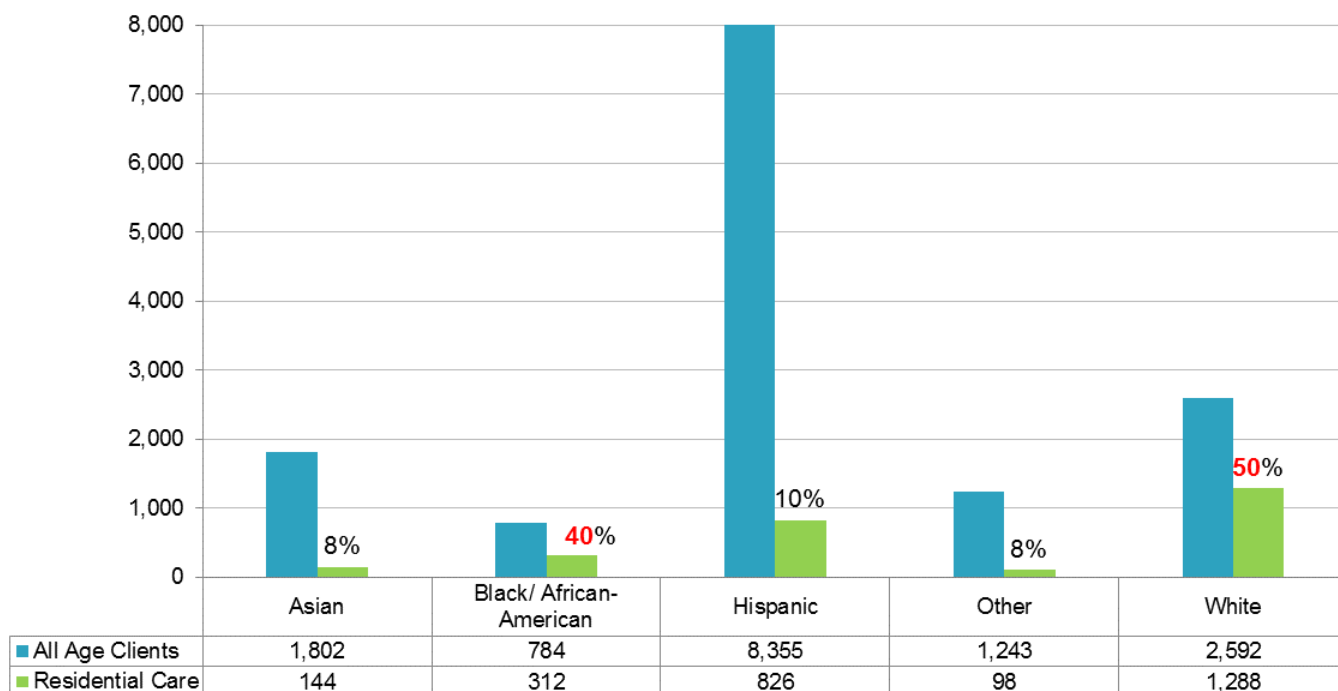
23

So sánh độ tuổi theo chủng tộc tại SG/PRC FY 2018



24

% Sắp xếp cuộc sống theo chủng tộc FY 2018



25

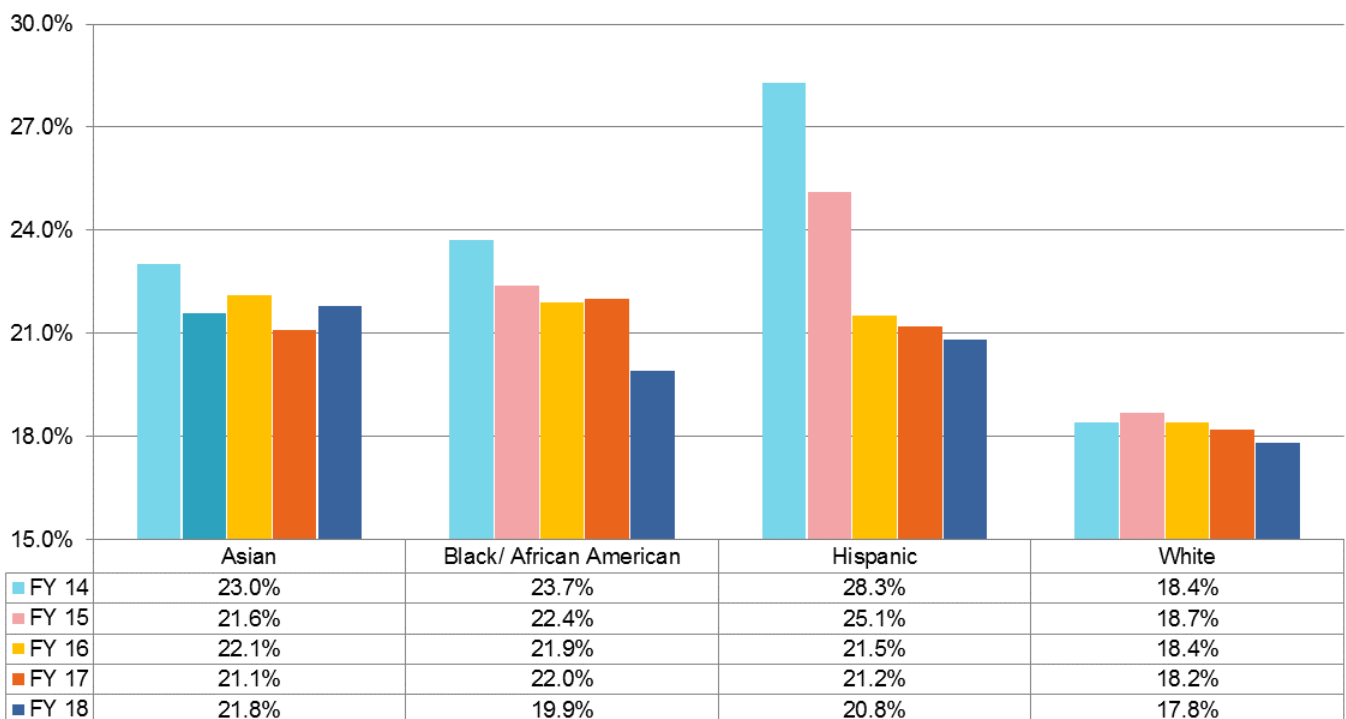
Tóm lược về các thay đổi FY14~FY18

Không sử dụng POS theo chủng tộc hay sắc tộc – cho tất cả độ tuổi

Ethnicity	Total Eligible Clients					NO POS Clients				
	FY 14	FY 15	FY 16	FY 17	FY 18	FY 14 FY 14 %	FY 15 FY 15 %	FY 16 FY 16 %	FY 17 FY 17 %	FY 18 FY 18 %
Asian	1,027	1,526	1,600	1,710	1,802	237 23.10%	330 21.6%	354 22.1%	361 21.1%	393 21.8%
Black/African-American	830	838	798	802	784	197 23.70%	186 22.4%	175 21.9%	176 22.0%	156 19.9%
Hispanic	6,749	7,552	7,916	8,242	8,355	1,908 28.30%	1,894 25.1%	1,699 21.5%	1,744 21.2%	1,741 20.8%
White	2,756	2,742	2,679	2,649	2,592	506 18.40%	512 18.7%	494 18.4%	482 18.2%	462 17.8%

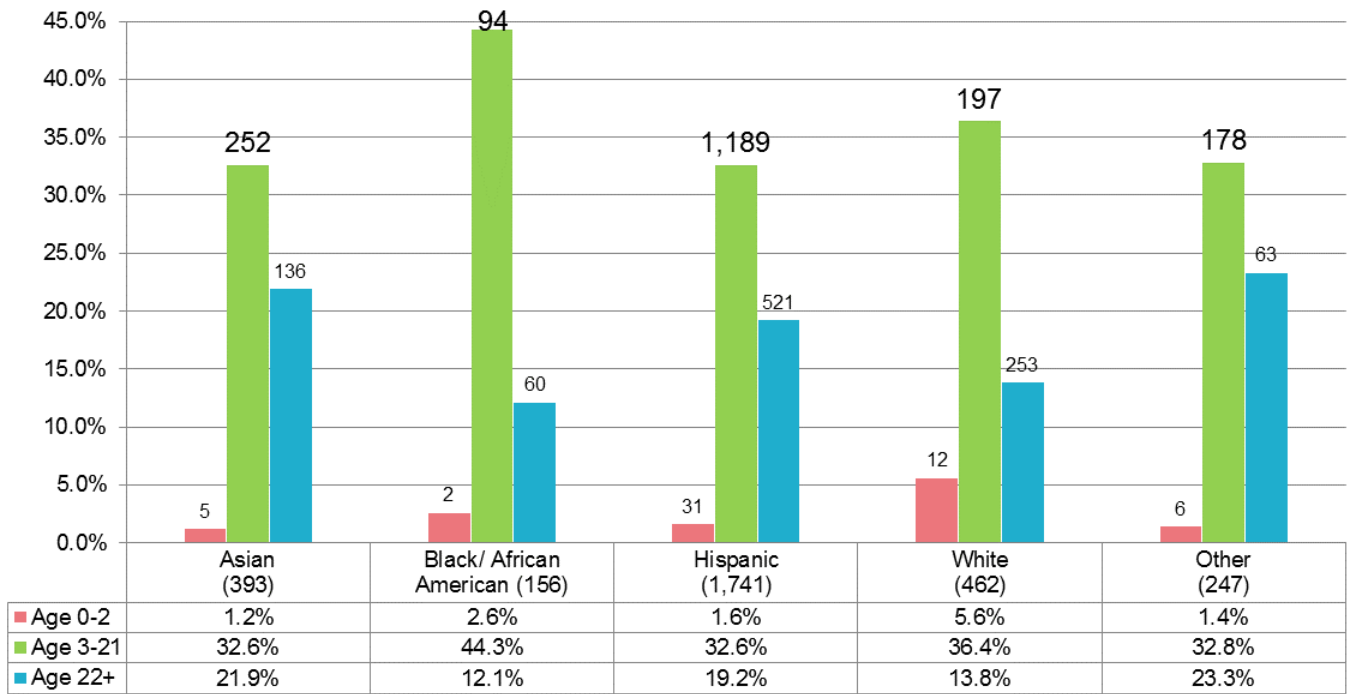
26

So sánh % không sử dụng POS theo chủng tộc FY14 ~ FY18



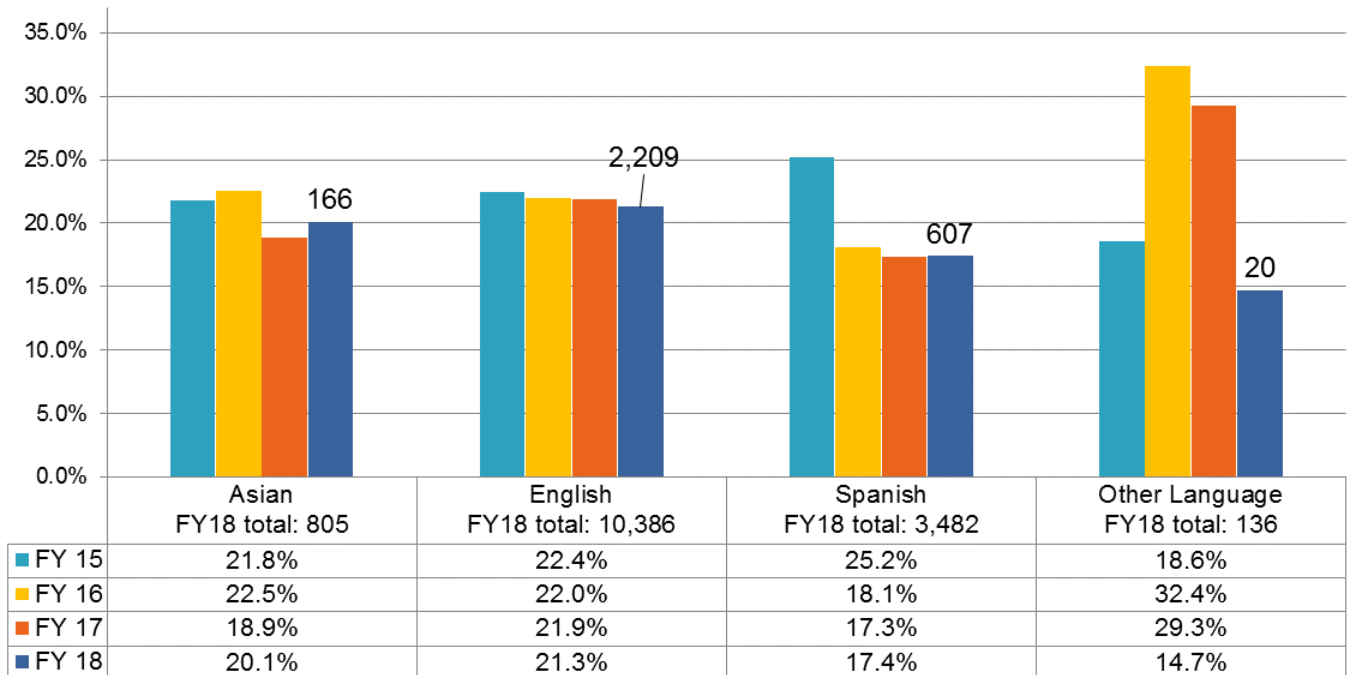
27

So sánh % không sử dụng POS theo chủng tộc theo nhóm tuổi - FY18



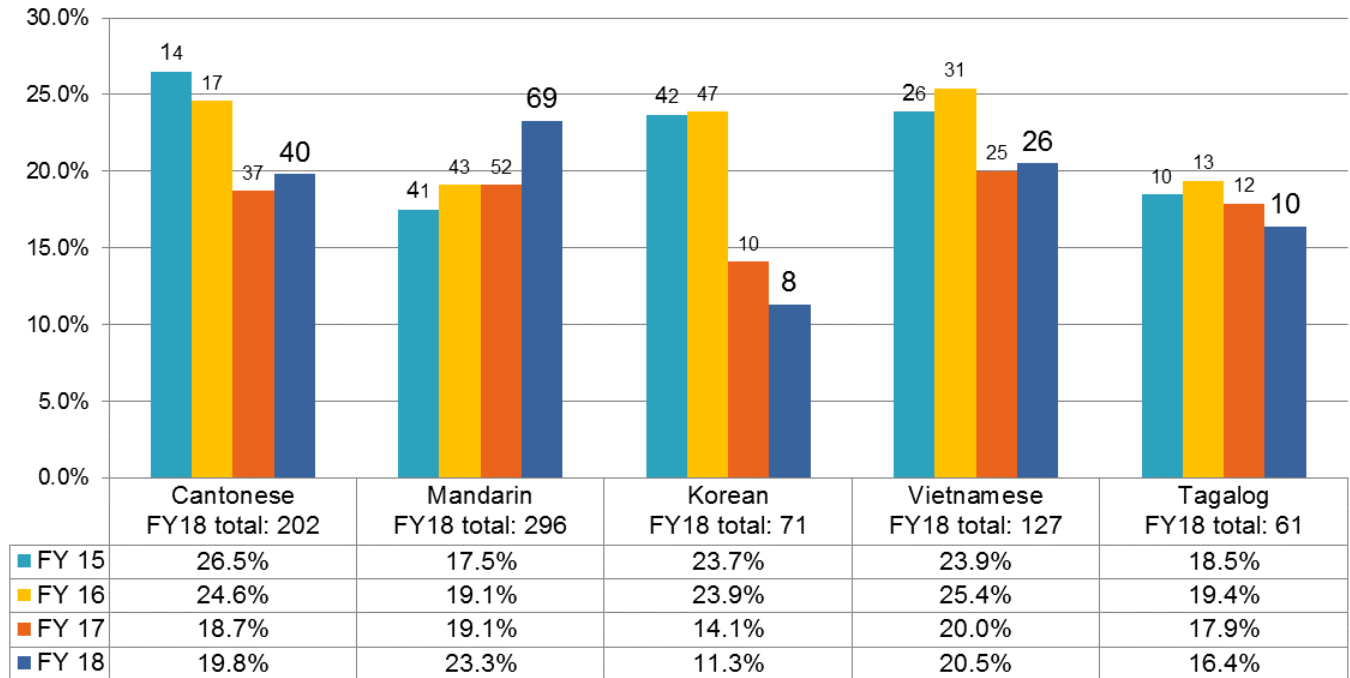
28

So sánh % không sử dụng POS cho tất cả các độ tuổi theo ngôn ngữ FY15 ~ FY18



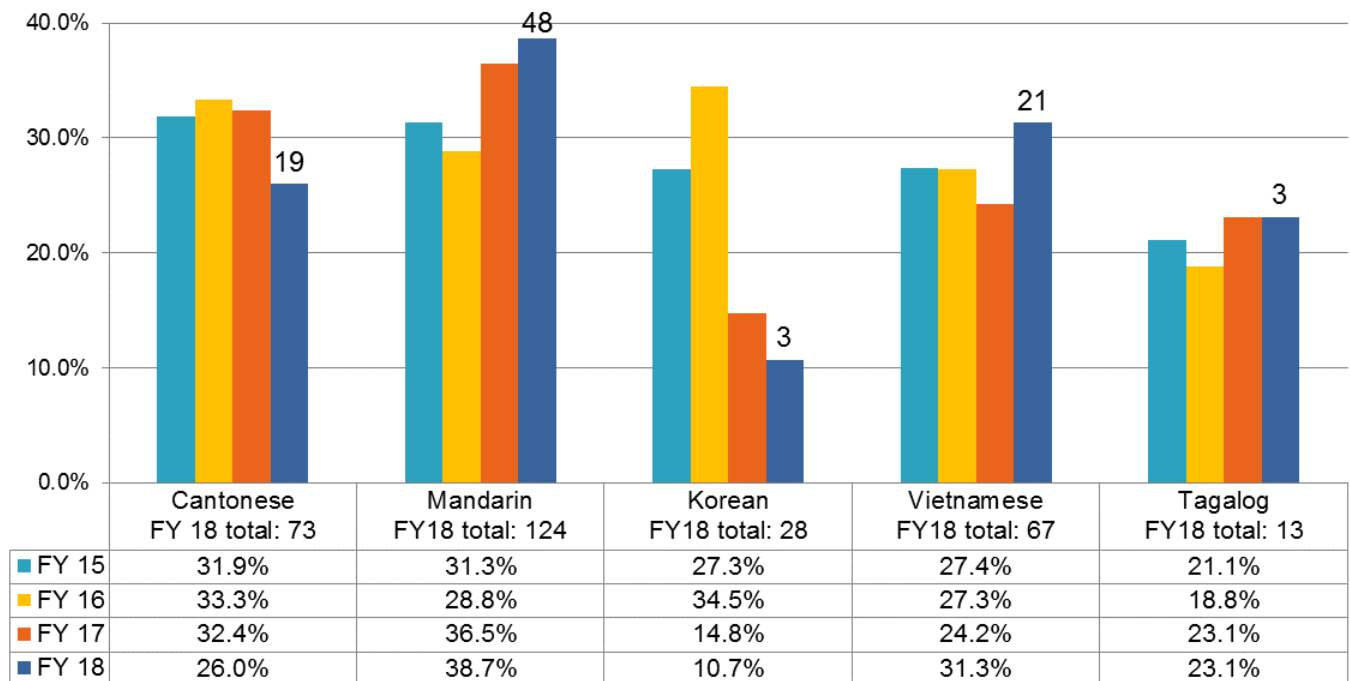
29

So sánh % không sử dụng POS cho tất cả các độ tuổi theo ngôn ngữ châu Á FY15 ~ FY18



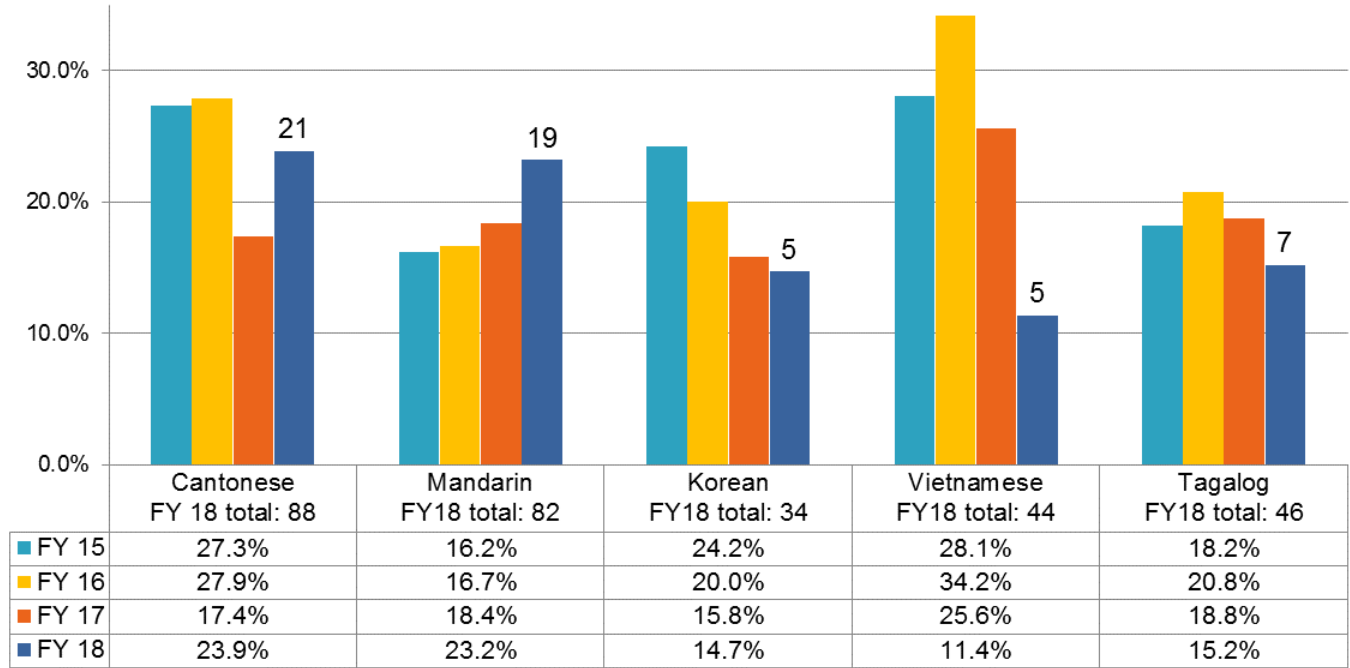
30

So sánh số không sử dụng POS lứa tuổi 3-21 theo ngôn ngữ châu Á FY15 ~ FY18



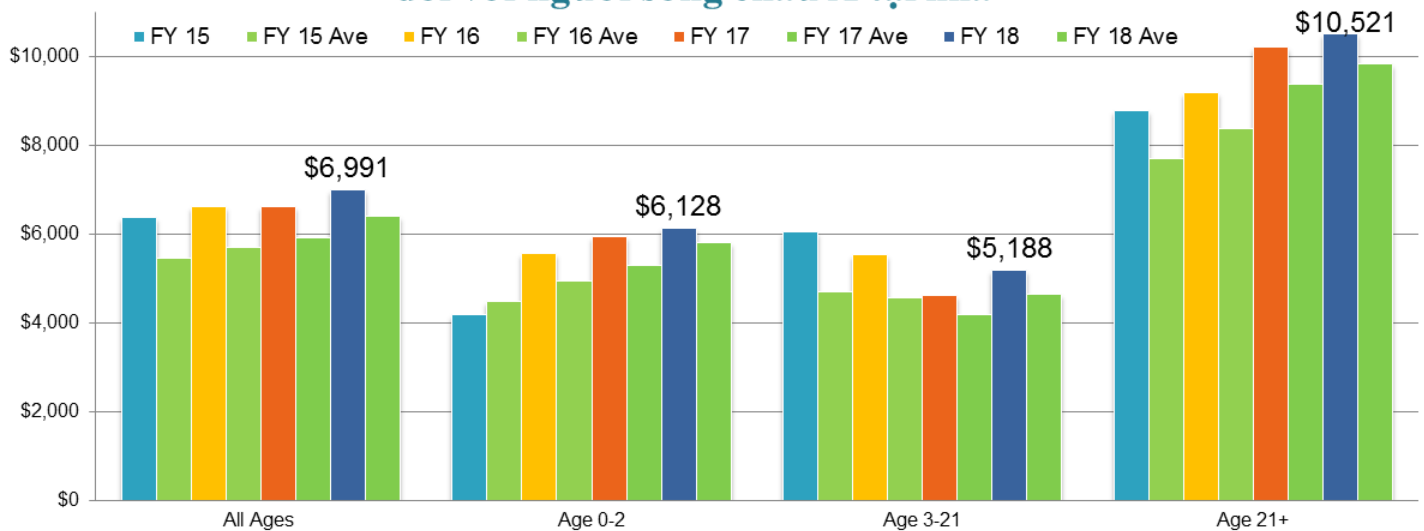
31

So sánh số không sử dụng POS lứa tuổi 22+ theo ngôn ngữ châu Á FY15 ~ FY18



32

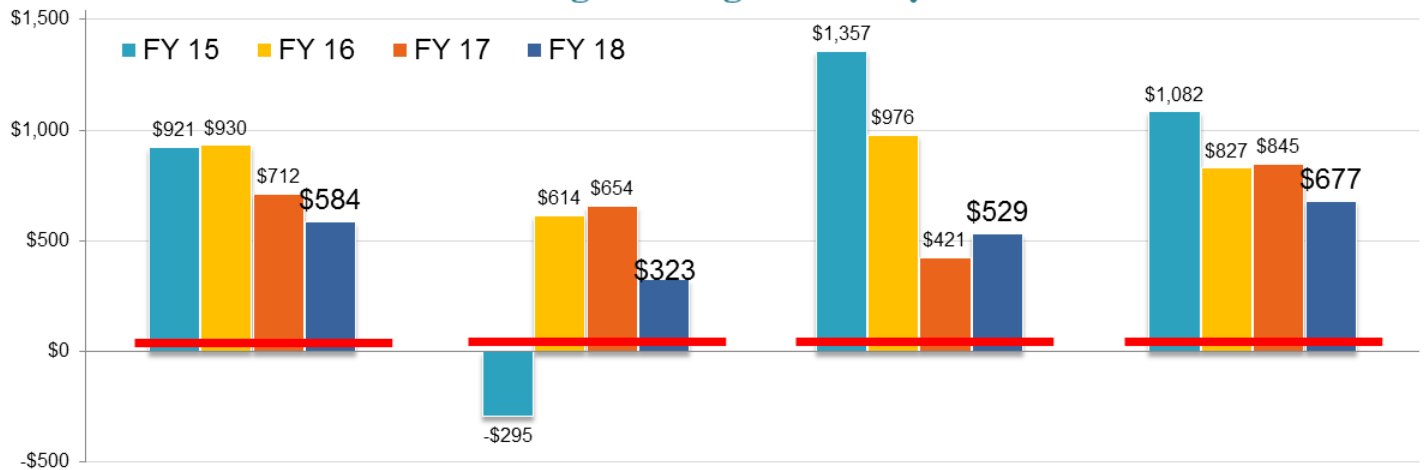
So sánh số liệu chi tiêu của mỗi người từ FY15 - FY18 đối với người sống châu Á tại nhà



Age \ FY	FY 15	FY 15 Average	FY 16	FY 16 Average	FY 17	FY 17 Average	FY 18	FY 18 Average
All Ages	\$6,393	\$5,472	\$6,637	\$5,707	\$6,626	\$5,914	\$6,991	\$6,407
Age 0-2	\$4,187	\$4,482	\$5,565	\$4,951	\$5,957	\$5,303	\$6,128	\$5,805
Age 3-21	\$6,051	\$4,694	\$5,547	\$4,571	\$4,616	\$4,195	\$5,188	\$4,659
Age 21+	\$8,802	\$7,720	\$9,201	\$8,374	\$10,219	\$9,374	\$10,521	\$9,844

33

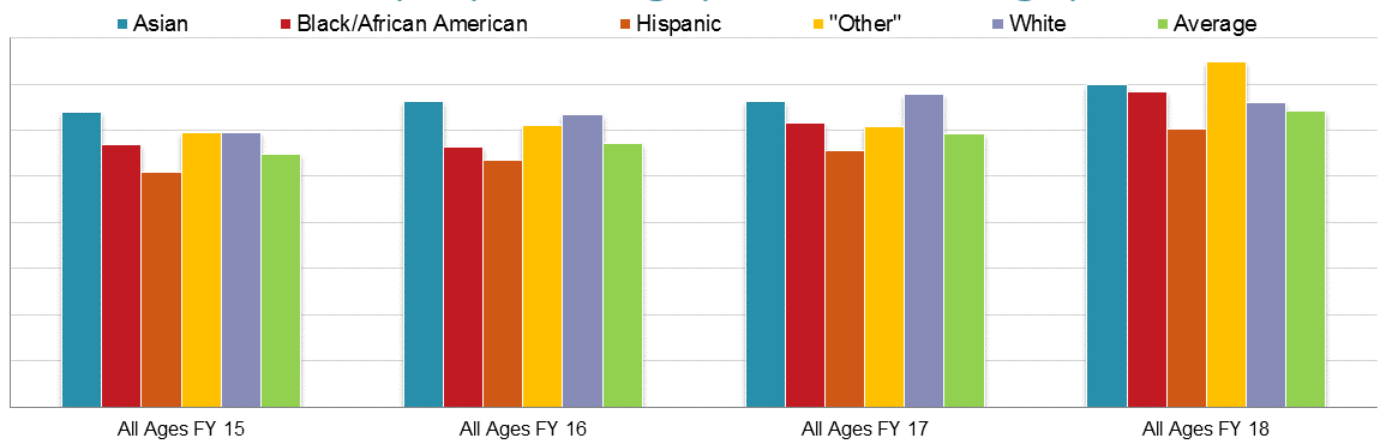
Dao động trung bình so sánh số liệu chi tiêu của mỗi người từ FY15 - FY18 đối với người sống châu Á tại nhà



Age	All Ages		Age 0-2		Age 3-21		Age 21+	
	FY	Average	FY	Average	FY	Average	FY	Average
All Ages	FY 15	\$5,472	FY 16	\$5,707	FY 17	\$5,914	FY 18	\$6,407
Age 0-2	FY 15	\$4,482	FY 16	\$4,951	FY 17	\$5,303	FY 18	\$5,805
Age 3-21	FY 15	\$4,694	FY 16	\$4,571	FY 17	\$4,195	FY 18	\$4,659
Age 21+	FY 15	\$7,720	FY 16	\$8,374	FY 17	\$9,374	FY 18	\$9,844

34

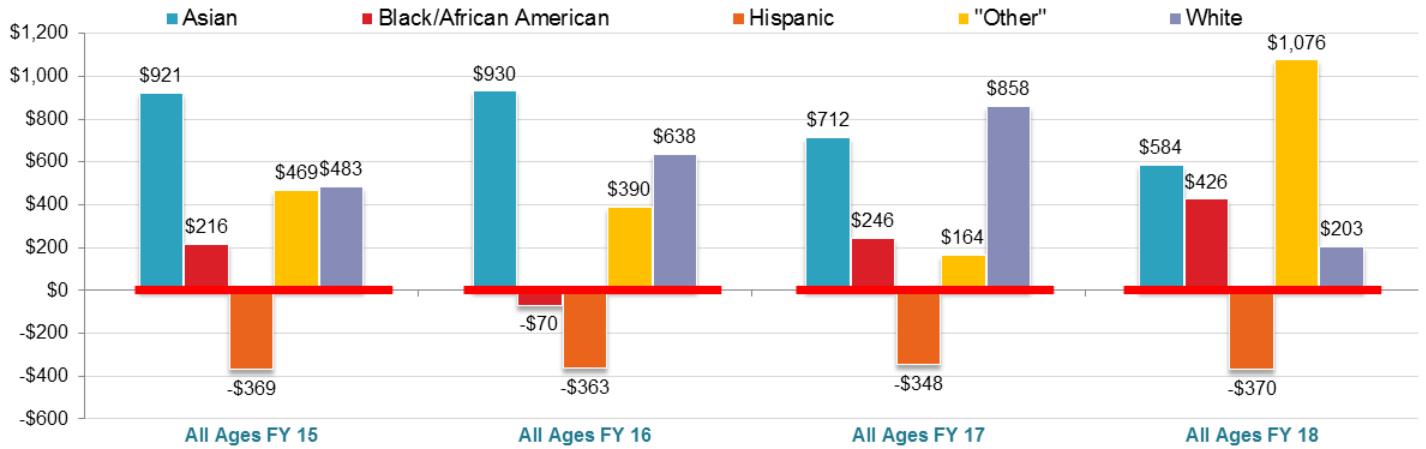
So sánh số liệu chi tiêu của mỗi người từ FY15 - FY18 cho mọi độ tuổi sống tại nhà theo chủng tộc



Ethnicity	All Ages FY 15	All Ages FY 16	All Ages FY 17	All Ages FY 18
Asian	\$6,393	\$6,637	\$6,626	\$6,991
African American	\$5,688	\$5,637	\$6,160	\$6,833
Hispanic	\$5,103	\$5,344	\$5,566	\$6,037
Other	\$5,941	\$6,097	\$6,078	\$7,483
White	\$5,955	\$6,345	\$6,772	\$6,610
Average	\$5,472	\$5,707	\$5,914	\$6,407

35

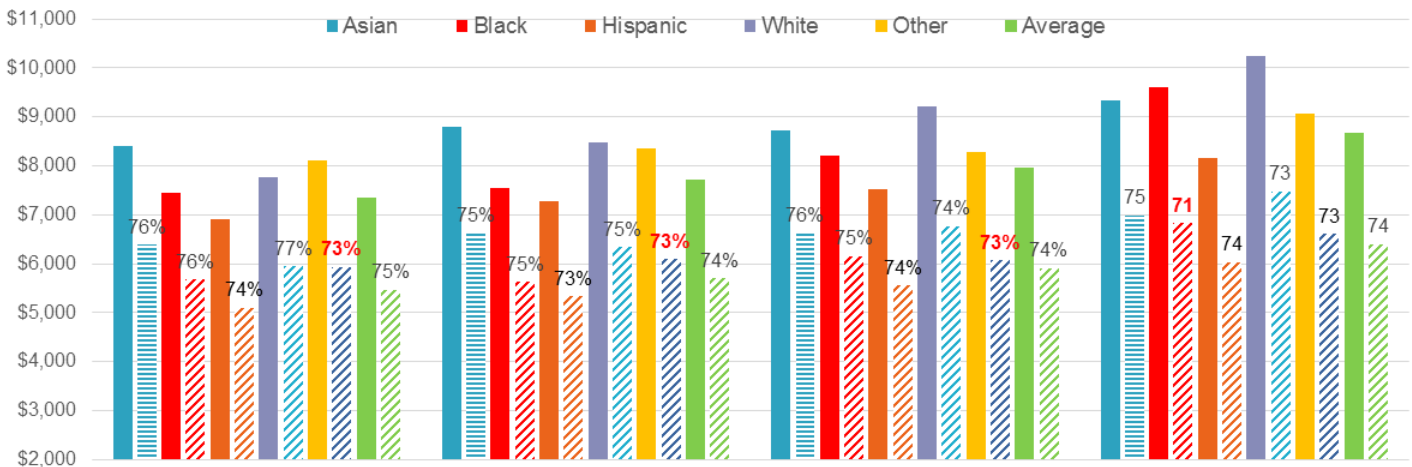
Dao động trung bình số liệu chi tiêu của mỗi người từ FY 15 - FY 18 cho độ tuổi sống tại nhà theo chủng tộc



Ethnicity	All Ages FY 15	All Ages FY 16	All Ages FY 17	All Ages FY 18
Asian	\$6,393	\$6,637	\$6,626	\$6,991
African American	\$5,688	\$5,637	\$6,160	\$6,833
Hispanic	\$5,103	\$5,344	\$5,566	\$6,037
Other	\$5,941	\$6,097	\$6,078	\$7,483
White	\$5,955	\$6,345	\$6,772	\$6,610
Average	\$5,472	\$5,707	\$5,914	\$6,407

36

So sánh số liệu ủy quyền và chi tiêu cho mỗi người FY 15 - FY 18 theo mọi độ tuổi đang sống tại nhà theo chủng tộc



Ethnicity	All Ages FY 15		All Ages FY 16		All Ages FY 17		All Ages FY 18	
	Authorization	Expenditure	Authorization	Expenditure	Authorization	Expenditure	Authorization	Expenditure
Asian	\$8,409	\$6,393	\$8,795	\$6,637	\$8,728	\$6,626	\$9,325	\$6,991
African American	\$7,447	\$5,688	\$7,559	\$5,637	\$8,203	\$6,160	\$9,599	\$6,833
Hispanic	\$6,912	\$5,103	\$7,279	\$5,344	\$7,515	\$5,566	\$8,163	\$6,037
White	\$7,774	\$5,955	\$8,469	\$6,345	\$9,201	\$6,772	\$10,231	\$7,483
Other	\$8,122	\$5,941	\$8,365	\$6,097	\$8,287	\$6,078	\$9,060	\$6,610
Average	\$7,339	\$5,472	\$7,723	\$5,707	\$7,964	\$5,914	\$8,684	\$6,407

37

Có những xu hướng nào?

- ▶ Đối với những người sống ở nhà với gia đình, có sự gia tăng chi tiêu POS trong năm tài chính 2018 so với năm 2017 khi xem xét mọi lứa tuổi cho mọi chủng tộc, ngoại trừ sự chi tiêu cho người da trắng giảm xuống (- \$ 162,00).
- ▶ Không tìm thấy sự chênh lệch giữa trẻ sơ sinh gốc Tây Ban Nha và trẻ mới biết đi (0-2 tuổi) khi so sánh với mức trung bình hoặc với các nhóm sắc tộc khác.

38

Xu hướng theo sắc tộc - FY 17-18

- ▶ Sự khác biệt giữa các nhóm sắc tộc khác nhau vẫn tiếp tục, với chi tiêu cho trẻ em ở độ tuổi đi học gốc Tây Ban Nha và người lớn gốc Tây Ban Nha thấp hơn mức trung bình.
- ▶ Sự chênh lệch gia tăng được ghi nhận đối với trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi người Mỹ gốc Châu Phi trong sự uỷ quyền, sử dụng và chi tiêu.
- ▶ Người châu Á tiếp tục được đại diện dưới mức thấp tại SG/PRC.

39

Xu hướng theo ngôn ngữ

- ▶ Trên mọi lứa tuổi, tiếng Quan thoại là ngôn ngữ có tỷ lệ không sử dụng POS cao nhất với 23,3% (69 trên 296 cá nhân)
- ▶ **Tiếng Anh** chiếm tỷ lệ cao thứ hai 21,3% (2.209 trong tổng số 10.386 người nói tiếng Anh được phục vụ)
 - Tiếng Việt đứng thứ ba với 20,5% (26 trong số 127 người được phục vụ)
 - Tiếng Quảng Đông đứng thứ tư với 19,8% (40 trong số 202 người được phục vụ)

* Lưu ý * (có từ 20 người trở lên được phục vụ)

40

Xu hướng theo ngôn ngữ, tiếp tục

- ▶ Trong chương trình Early Start, những người nói **tiếng Anh** có tỷ lệ không sử dụng POS cao nhất ở mức 2,0% (hoặc 45 trong số 2.239 gia đình)
- ▶ Tỷ lệ cao nhất tiếp theo trong chương trình Early Start không sử dụng POS là người Tây Ban Nha ở mức 1,3% (hoặc 9 trong số 694 gia đình)
- ▶ Đối với trẻ em trong độ tuổi đến trường, tiếng Anh là ngôn ngữ có tỷ lệ không sử dụng POS cao nhất với 36,6% (1.393 trẻ). Tỷ lệ không sử dụng POS ở mức 32,1% (104 trẻ) cho các ngôn ngữ châu Á và 26,2% cho tiếng Tây Ban Nha (409 trẻ)

41

Xu hướng theo ngôn ngữ, tiếp tục

- ▶ Đối với người lớn, tỷ lệ không sử dụng POS cao nhất là dành cho các ngôn ngữ châu Á ở mức 19,1% (hoặc 60 trong số 314 người lớn), trong đó tiếng Quảng Đông cao nhất trong số các ngôn ngữ châu Á đó với 23,9% (hoặc 21 trên 88 người lớn).
- ▶ Tiếng phổ thông tiếp theo ở mức 23,2% (với 19 trên 82 người lớn) không sử dụng POS.
- ▶ Đối với người lớn nói tiếng Anh, bất kể sắc tộc, có 771 cá nhân không có POS (ví dụ không sử dụng POS) trong suốt FY17-18.

42

Kết luận chính

- ▶ **Văn hóa mạnh hơn Ngôn ngữ -**
- ▶ Nói một ngôn ngữ chính không phải là tiếng Anh chắc chắn là rào cản đối với việc truy cập các dịch vụ, dữ liệu SG/PRC hỗ trợ cho sắc tộc đó - gần giống như chúng ta có thể “đo văn hóa” với các dữ liệu này - dường như văn hóa có ảnh hưởng mạnh hơn ngôn ngữ trong việc truy cập và sử dụng các dịch vụ đã được trả tiền bởi trung tâm khu vực.
- ▶ Xây dựng mối quan hệ với các gia đình rất quan trọng trong việc xây dựng niềm tin dẫn đến sự sẵn lòng của gia đình truy cập vào các dịch vụ.

43

SG/PRC đang làm gì để xây dựng mối quan hệ?

- ▶ Xem xét lại các Dự án đã được bắt đầu như là kết quả của lấy từ ý kiến từ Cộng đồng –
- ▶ Xây dựng niềm tin của phụ huynh để trở thành đối tác hiệu quả với trung tâm khu vực để tiếp cận các dịch vụ và hỗ trợ cho các thành viên gia đình của họ và giúp các phụ huynh khác làm điều tương tự:
 - Cha mẹ cố vấn cho các bậc cha mẹ khác (PMI)
 - Các hội thảo điều hướng hệ thống Trung tâm Khu vực (NRCS)
 - Thực hiện tư duy con người là trung tâm trong tất cả các hoạt động của trung tâm khu vực.